TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÝ NHÂN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 5 - 2021
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Huy.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Kiệm và ông Phạm Quốc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhật Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa: Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên toà số: 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1987; có mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Anh Trần Như T, sinh năm 1985; vắng mặt không có lý do.

Địa chỉ: Thôn 7, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 5 năm 2020, bản tự khai, lời khai của chị Phạm Thị H và anh Trần Như T thì nội dung vụ án như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị H kết hôn với anh Trần Như T là tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 11/4/2008 tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhà với bố mẹ chồng được khoảng 02 năm thì gia đình chồng cho mượn nhà, đất nên vợ chồng chị ăn, ở riêng, vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn.

Theo chị H trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T lười lao động, ham chơi cờ bạc, lô đề, rượu chè; thậm chí anh Tiến còn đi vay lãi ngày của

nhiều người để chơi cá độ bóng đá; bán, cầm cố tài sản, đồ đạc trong gia đình để trả nợ. Chị và và gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không nghe, nên vợ chồng xảy mâu thuẫn, cãi nhau căng thẳng, anh T chửi, đuổi chị nên nhiều lần chị đã phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, ly thân với anh Tiến, sau đó anh T đến xin lỗi, vợ chồng về đoàn tụ với nhau. Đến khoảng tháng 4/2020, vợ chồng mâu thuẫn, anh T tát và đuổi chị ra khỏi nhà, gọi điện bảo với chị nếu không ở được với nhau thì ly hôn nên chị làm đơn ly hôn với anh T. Đến ngày 27/12/2020 (âm lịch) chị về đoàn tụ cùng với anh Tiến, nhưng đến ngày mồng 02 Tết âm lịch năm 2021, anh T đi uống rượu say về nhà gây sự, chửi bới, đánh chị nên đến ngày mồng 07 Tết âm lịch năm 2021, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định sinh sống, ly thân với anh T cho đến nay, vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Quan điểm của anh Trần Như T: Sau ngày cưới vợ chồng chung sống cùng nhà với bố mẹ đẻ anh được khoảng 02 năm, cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc, sau đó vợ chồng ăn riêng, ở riêng. Anh T cho rằng, trong cuộc sống, vợ chồng không tránh khỏi mâu thuẫn nên có xảy ra cãi vã, to tiếng với nhau, chị H nhiều lần tự bỏ nhà đi, sau đó lại về đoàn tụ cùng với anh. Đến ngày mồng 7 Tết âm lịch năm 2021, vợ chồng xảy ra cãi nhau, chị H lại tự bỏ nhà đi nên vợ chồng ly thân cho đến nay. Anh T xác định vợ chồng không còn tình cảm nhưng anh không đồng ý ly hôn với chị H vì các con chung.

- *Về con chung:* Chị H và anh T đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thị Ánh D, sinh ngày 12/12/2008 và cháu Trần Như Gia B, sinh ngày 27/8/2011, các cháu đang do anh Tiến và ông bà nội cùng nuôi dưỡng.

Trường hợp vợ chồng ly hôn: Chị H và anh T đề nghị giao cả 02 con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cho tới khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

- *Về tài sản, nợ chung và các vấn đề khác:* Chị H không yêu cầu Toà án phải giải quyết. Anh T đề nghị Toà án giải quyết tài sản của vợ chồng là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, BKS 90B2-373.85, nhưng anh T không thực hiện nghĩa vụ cung cấp các chứng cứ chứng minh, không nộp nghĩa vụ về tài chính đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà: Nguyên đơn chị Phạm Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Như T. Về con chung: Chị H đề nghị giao 02 con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cho tới khi các cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Chị H không yêu cầu Toà án phải giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên toà sơ thẩm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị giải quyết ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Trần Như T. Về con chung: Chấp nhận sự thoả thuận của các đương sự, giao cháu Trần Thị Ánh D và Trần Như Gia B cho anh T nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cho anh T. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa; ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do chị Phạm Thị H cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tuy nhiên, bị đơn anh Trần Như T không tham gia tố tụng, vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do chính đáng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Trần Như T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Chị H cho rằng do anh T chơi bời, rượu chè, cờ bạc, lười lao động, chị và gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không nghe dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, chị H cũng đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống ly thân với anh T. Gần đây nhất ngày 07 tháng giêng (âm lịch) năm 2021, khi vợ chồng mâu thuẫn, anh T đánh và đuổi nên chị H đã bỏ đi và làm đơn ly hôn với anh T. Lời khai của anh T trong quá trình giải quyết vụ án: Anh T cho rằng, trong cuộc sống, vợ chồng mâu thuẫn nên có xảy ra cãi vã, to tiếng với nhau, chị H nhiều lần tự bỏ nhà đi, sau đó lại về đoàn tụ cùng với anh. Đến ngày mồng 7 Tết âm lịch năm 2021, vợ chồng xảy ra cãi nhau, chị H lại tự bỏ nhà đi nên vợ chồng ly thân cho đến nay. Anh T xác định vợ chồng không còn tình cảm nhưng anh không đồng ý ly hôn với chị H vì các con chung. Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn các bên đưa ra là khác nhau nhưng cả chị H và anh T đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, Toà án tiến hành hoà giải nhưng anh T vắng mặt không có lý do; điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Trần Thị Ánh D, sinh ngày 12/12/2008 và Trần Như Gia B, sinh ngày 27/8/2011, do anh T đang nuôi dưỡng. Chị H và anh T cùng có quan điểm giao cả hai con cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T. Quá trình giải quyết vụ án cháu D và cháu B đều có nguyện vọng được ở với anh T. Xét thấy đề nghị của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, do các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh T đề nghị Toà án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, biển kiểm soát 90B2-373.85, nhưng anh T không thực hiện nghĩa vụ cung cấp các chứng cứ, không nộp nghĩa vụ về tài chính đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật, nên không xem xét trong vụ án này. Anh T có quyền làm đơn khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật dân sự.

[5]. Về công nợ và các vấn đề khác: Chị H và anh T đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Trần Như T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Ánh D, sinh ngày 12/12/2008 và cháu Trần Như Gia B, sinh ngày 27/8/2011 cho anh Trần Như T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng

việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng. Đối trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0003777 ngày 20/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã H;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đỗ Quốc Huy